TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Phương A; Nơi ĐKTT: Thôn A1, xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Bắc 2, xã T2, huyện T1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Viết T; Nơi cư trú: Thôn A1, xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Phương A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Viết T do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn A1, xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, anh T đã nhiều lần đánh chửi chị vô cớ. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà ngoại ở thôn Bấc 2, xã T2, huyện T1, thành phố Hải Phòng cư trú. Từ khi chị bỏ đi đến nay, anh T không đến tìm chị, anh T chỉ nhắn tin và gọi điện thoại cho chị để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không lần nào chị trở về đoàn tụ cùng anh T. Từ tháng 5 năm 2022 đến nay, chị và anh T sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Viết T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Viết T có hai chung là Bùi Trung H, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2017 và Bùi Bảo K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2021. Hiện tại các con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi chị bỏ đi, chị có mang hai con đi cùng, sau đó anh T đến đón các con, từ khi chị làm đơn ly hôn đến nay, anh T và mẹ anh T không cho chị nuôi dưỡng các con nữa. Chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Viết T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh T đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết việc chị Nguyễn Phương A xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Phương A được ly hôn anh Bùi Viết T. Về con chung: Giao con chung Bùi Bảo K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho chị Nguyễn Phương A nuôi dưỡng; Giao con chung Bùi Trung H, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2017 cho anh Bùi Viết T nuôi dưỡng; Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Nguyễn Phương A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Phương A có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Viết T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Viết T hiện đang cư trú tại thôn A1, xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Bùi Viết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Viết T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01 tháng 12 năm 2016, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tuy anh Bùi Viết T không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh T về việc chị Nguyễn Phương A xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Viết T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Viết T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Nguyễn Phương A đối với anh Bùi Viết T.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Viết T có hai con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2017 và Bùi Bảo K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2021. Chị Phương A đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Anh T không có quan điểm về con chung. Xét thấy, hiện tại chị Phương A và anh T đều là lao động tự do, nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị Phương A và anh T như nhau. Nên cần giao cho chị Phương A và anh T mỗi người nuôi dưỡng một con chung là hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho con chung. Con chung Bùi Bảo K nhỏ hơn nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cho chị Phương A nuôi dưỡng; giao cho anh T nuôi dưỡng con chung Bùi Trung H. Các con chung hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, nên buộc anh T phải giao con chung Bùi Bảo K cho chị Phương A nuôi dưỡng.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Viết T không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Viết T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương A là nguyên đơn nên chị Nguyễn Phương A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Phương A và anh Bùi Viết T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương A được ly hôn anh Bùi Viết T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Bảo K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho chị Nguyễn Phương A nuôi dưỡng; Giao con chung Bùi Trung H, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2017 cho anh Bùi Viết T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Bùi Viết T phải giao con chung Bùi Bảo K sinh ngày 12 tháng 3 năm 2021 cho chị Nguyễn Phương A nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Viết T không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Viết T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Nguyễn Phương A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 8407 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Phương A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã A2 (ĐKKH ngày 01 tháng 12 năm 2016);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế